

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HS-ST

Ngày: 13-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Bà Bùi Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 91/2023/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Trần Hoàng N**, sinh ngày 02/8/2002, tại Cần Thơ; Nơi cư trú: ấp Phú Thọ, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Dương Kim P, sinh năm 1972; Tiền án: không; Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2023, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn Đ**, sinh ngày 01/01/1969, tại Cần Thơ; Nơi cư trú: ấp Phú Thọ, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tràm (chết), và bà Đặng Thị Nhét (chết); Tiền án: không; Tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa:**

1. Người bào chữa của bị cáo N: bà Nguyễn Thị Trúc L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Cần Thơ (có mặt)

2. Người bào chữa của bị cáo Đ: ông Lưu Ngọc S – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Cần Thơ (có mặt)

*** Bị hại:**

- chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: KV 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp Cần Thơ

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- bà Dương Kim P, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Phú Thọ, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, Tp Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 19/7/2023 Trần Hoàng N điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, biển số: 65H1 - 247.60, màu đỏ - đen đi một mình để bán vé số. Khi Nam điều khiển xe đi trên đường Nguyễn Văn Linh hướng lưu thông từ Ô Môn đi Bình Thủy thì gặp chị Nguyễn Thị N điều khiển xe hiệu Honda, loại Vision màu đỏ, BS: 65D1 - 211.47 lưu thông cùng chiều có đeo một túi xách màu trắng bên hông phải. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Nam nảy sinh ý định giật tài sản của chị N. Nam đã điều khiển xe chạy theo chị N để quan sát, khi tới cầu Giáo Dẫn, chị N điều khiển xe đi xuống đường lộ nông thôn thuộc khu vực Bình An, phường Phước Thới, quận Ô Môn thì Nam cũng điều khiển xe chạy theo được một đoạn rồi áp sát dùng tay trái giật túi xách đeo bên hông phải của chị N. Sau khi giật được tài sản, Nam tăng ga nhanh chóng bỏ chạy. Trong lúc bỏ chạy Nam kiểm tra phát hiện có tiền, điện thoại di động, giấy tờ tùy thân và một cái túi vải màu đỏ bên trong có nhiều chiếc nhẫn, nhiều sợi dây chuyền vàng và một số viên đá màu nên Nam lấy điện thoại, vàng cùng các viên đá màu bỏ vào cái túi đeo chéo vai của Nam, còn cái túi xách có tiền khoảng 2.000.000 đồng cùng giấy tờ tùy thân và túi vải đỏ thì Nam ném bỏ dọc đường Lộ Vòng Cung trên đường đi về hướng chợ Ba Se. Sau đó, Nam đem vàng và điện thoại về nhà ở ấp P, xã T, huyện

Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Khi về đến nhà, Nam nói mới cướp giật tài sản và đưa tài sản vừa cướp được cho ông Trần Văn Đ (cha ruột Nam), ông Đâu bỏ tài sản cướp giật được vào bọc màu đen rồi gói thêm nhiều lớp bọc, sau đó bỏ vào bao tải cùng cục gạch đem ra sau nhà thả xuống sông để cất giấu. Sau đó, Nam thay đồ và điều khiển xe về nhà trọ Luân ở hẻm 44, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ để nghỉ ngơi.

Qua trích xuất camera an ninh phát hiện N là người giật tài sản của người khác nên tiến hành mới N về làm việc. Qua làm việc N thừa nhận hành vi của mình và cung cấp nơi cất giấu tài sản cướp giật. Tiến hành khám xét nhà ông Trần Văn Đ đã tiến hành thu giữ tài sản N giật được.

Tang vật thu giữ: 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên nhẫn có hình bông hoa đính hột màu vàng, không rõ trọng lượng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên nhẫn có hình con ếch có đính hột màu vàng, không rõ trọng lượng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên nhẫn có hình chữ N, có đính nhiều hột màu trắng, không rõ trọng lượng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên nhẫn có hình nơ, có đính nhiều hột màu trắng, không rõ trọng lượng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên nhẫn có đính hột màu xanh, không rõ trọng lượng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt dây chuyền hình tròn đính hột màu xanh, không rõ trọng lượng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt dây chuyền hình "CHANEL" trên mặt đính nhiều hột màu trắng, không rõ trọng lượng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt dây chuyền hình con ếch đính đá máu vàng, không rõ trọng lượng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt dây chuyền hình cái túi đính nhiều hột màu trắng, không rõ trọng lượng; 01 (một) trái châu hình tròn bằng kim loại màu vàng, không rõ trọng lượng; 01 (một) viên đá hình bầu dục, màu đỏ trong suốt, không rõ trọng lượng; 02 (hai) viên đá hình tròn, màu đỏ trong suốt, không rõ trọng lượng; 01 (một) viên đá hình tròn, màu trắng trong suốt, bị khuyết một phần trên mặt, không rõ trọng lượng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A96, số IMEI1: 863820050118915, IMEI2: 863820050118907, đã qua sử dụng.

Ngoài ra còn thu giữ: 01 xe mô tô hiệu HONDA, số loại: Blade, biển số: 65H1-247.60, màu: đỏ đen, số máy: JA36E-0444387, số khung: RLHJA3642GY020954, xe đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm, loại nửa đầu, màu bạc, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi tay dài, sọc ca rô màu xám - đỏ, đã qua sử dụng; 01 áo thun màu đen, ngắn tay, đã qua sử dụng; 01 quần Jean, loại quần dài, màu đen, đã qua sử dụng; 01 đôi dép quai ngang màu

xám - đen, đã qua sử dụng, đây là tài sản Nam sử dụng khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 84/KL - HĐĐGTS ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Ô Môn kết luận: Tổng giá trị vàng tại thời điểm cướp giật (ngày 19/7/2023) là 69.190.000 đồng.

Phần dân sự, bà Dương Kim P (mẹ ruột Nam) đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng, 01 chỉ vàng 24K, hiện bị hại yêu cầu bồi thường thêm 2,5 chỉ vàng 24K.

Tại Cáo trạng số 93/CT-VKSOM ngày 30 tháng 11 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Trần Hoàng N về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và truy tố Trần Văn Đ về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hoàng N và Trần Văn Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nam và bị cáo Đậu thống nhất bồi thường cho bị hại 2,5 chỉ vàng 24K.

- Bị hại trình bày: Gia đình bị cáo N và bị cáo Đ đã bồi thường 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K. Yêu cầu 02 bị cáo tiếp tục bồi thường 2,5 chỉ vàng 24K. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xe mô tô là của bà, khi bị cáo Nam lấy xe đi chỉ nói là đi bán vé số, việc bị cáo Nam dùng xe cướp giật tài sản bà không hay biết nên yêu cầu được nhận lại xe mô tô.

Đại diện viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày: Giữ nguyên quan điểm Cáo trạng truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hoàng N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận về việc bị cáo Nam và bị cáo Đậu bồi thường cho bị hại 2,5 chỉ vàng 24K.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 nón bảo hiểm, 01 áo sơ mi tay dài, 01 áo thun màu đen ngắn tay, 01 quần Jean, 01 đôi dép quay ngang.

+ Trả lại cho bà Dương Kim P 01 xe mô tô hiệu Honda, số loại Blade, biển số 65H1 – 247.60

*** Người bào chữa:**

- Người bào chữa của bị cáo N trình bày: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện Kiểm sát truy tố. Bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn, trình độ học vấn thấp, phạm tội mang tính chất nhất thời và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa của bị cáo Đ trình bày: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện Kiểm sát truy tố. Đề nghị cho bị cáo Đâu được hưởng án tù treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] *Về tội danh:* Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể, ngày 19/7/2023, do cần tiền nên khi bị cáo N phát hiện chị Nguyễn Thị N điều khiển xe trên đường đang đeo 01 túi xách màu trắng thì nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Bị cáo N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65H1-247.60 áp sát chị N, dùng tay trái giật túi xách của chị N rồi tăng ga nhanh chóng tẩu thoát. Số tài sản bị cáo Nam cướp giật của bị hại bao gồm tiền, điện thoại di động, vàng và giấy tờ tùy thân. Theo kết quả định giá trong tố tụng hình sự thì giá trị tài sản bị cáo Nam cướp giật là 71.190.000 đồng. Nhận thấy bị cáo đã có hành vi dùng xe mô tô là thủ đoạn nguy hiểm áp sát cướp giật tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát, đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn Đ sau khi biết được bị cáo Nam cướp giật tài sản và bị cáo Nam giao tài sản cướp giật được cho bị cáo, lẽ ra bị cáo phải trình bày với cơ quan chức năng. Nhưng bị cáo Đ lại mang tài sản cướp giật được của bị hại bỏ vào bọc màu đen, sau đó bỏ vào bao tải thả xuống sông để cất giấu. Hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của bị cáo Nam là hết sức nguy hiểm, có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng cho tính mạng, sức khỏe của người bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên phải có chế tài hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Đ là cha của bị cáo N, lẽ ra khi biết được bị cáo N cướp giật tài sản của người khác, với bổn phận làm cha, bị cáo phải khuyên ngăn bị cáo Nam đầu thú, chủ động giao nộp tài sản cho cơ quan chức năng. Nhưng bị cáo lại thực hiện hành vi chứa chấp tài sản cướp giật được nên cần phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định .

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Nhận thấy các bị cáo tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại và đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Đậu phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đồng thời, nhận thấy bị cáo Đậu có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội.

Từ những phân tích, nhận định trên cho thấy việc Viện Kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại 2,5 chỉ vàng 24K.

[6] Về xử lý vật chứng:

Nhận thấy 01 nón bảo hiểm, 01 áo sơ mi tay dài, 01 áo thun màu đen ngắn tay, 01 quần Jean, 01 đôi dép quai ngang không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô hiệu honda, biển số 65H1 – 247.60, bị cáo Nam sử dụng vào việc cướp giật tài sản, là xe của chị P, chị P không hay biết N dùng xe đi cướp giật nên trả lại cho chị P.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

điểm c, d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Nam;

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Đậu;

Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Hoàng N phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”. Bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”

3. Xử phạt:

Xử phạt Trần Hoàng N mức án 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/7/2023.

Xử phạt Trần Văn Đ mức án 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban Nhân dân xã T, huyện T, Tp Cần Thơ quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Hoàng N và Trần Văn Đ liên đới bồi thường cho bị hại 2,5 chỉ vàng 24K.

5. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 nón bảo hiểm, loại nửa đầu, màu bạc, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi tay dài, sọc ca rô màu xám - đỏ, đã qua sử dụng; 01 áo thun màu đen, ngắn tay, đã qua sử dụng; 01 quần Jean, loại quần dài, màu đen, đã qua sử dụng; 01 đôi dép quai ngang màu xám - đen, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bà Dương Kim P 01 xe mô tô hiệu HONDA, số loại: Blade, biển số: 65H1-247.60, màu: đỏ đen, số máy: JA36E-0444387, số khung: RLHJA3642GY020954, xe đã qua sử dụng;

6. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nam và bị cáo Đậu.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TPCT;
- VKSND quận Ô Môn;
- Chi cục THADS quận Ô Môn;
- Công An quận Ô Môn;
- Bị cáo, bị hại;
- NLQ, NBC;
- Lưu.

Đoàn Thanh Thái